

QUYẾT ĐỊNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025-NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHUYỂN VỀ CẤP TỈNH

Đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo - Chương: 422

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-KHTC ngày /11/2025 của Giám đốc Sở GDĐT Bắc Ninh)

Đơn vị: đồng

TT	Đơn vị	Mã QHNS	Mã KBNN	Chương - Loại - Khoản	Mã nguồn	TỔNG CỘNG	NSNN CẤP DỰ TOÁN	LỆNH CHI TIỀN (Đã thực hiện)	Ghi chú
							Đầu năm (Mã 01)		
A	TỔNG CHI SỰ NGHIỆP GD&ĐT					5.256.633.000	2.730.633.000	2.526.000.000	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ					2.199.330.000	2.112.330.000	87.000.000	
	Kinh phí chi thường xuyên giao không tự chủ					3.057.303.000	618.303.000	2.439.000.000	
B	CHI TIẾT ĐƠN VỊ					5.256.633.000	2.730.633.000	2.526.000.000	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	1061542	1161	422-070-074		338.000.000	-	338.000.000	
	Trường THPT Nguyễn Du				12	140.000.000		140.000.000	Hỗ trợ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của 03 trường ngoài công lập
	Trường THPT Từ Sơn				12	102.000.000		102.000.000	
	Trường THPT Nguyễn Trãi				12	96.000.000		96.000.000	
2	Trường THPT Hiệp Hòa số 4	1093177	1164	422-070-074		179.000.000	92.000.000	87.000.000	
-	<i>Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ</i>					167.000.000	80.000.000	87.000.000	<i>Kinh phí tiền lương, chi khác của 01 biên chế từ huyện về</i>
	Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp				13	144.000.000	69.000.000	75.000.000	
	Chi khác theo định mức				13	23.000.000	11.000.000	12.000.000	
-	<i>Kinh phí chi không thường xuyên không giao tự chủ</i>					12.000.000	12.000.000		
	Tiền thưởng				18	12.000.000	12.000.000		
3	Trường THPT Chuyên Bắc Ninh	1076528	1172	422-070-074		160.000.000	-	160.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	160.000.000		160.000.000	
4	Trường THPT Hàn Thuyên	1076529	1172	422-070-074		150.000.000	-	150.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	150.000.000		150.000.000	
5	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	1076530	1172	422-070-074		140.000.000	-	140.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	140.000.000		140.000.000	
6	Trường THPT Yên Phong số 1	1076531	1174	422-070-074		120.000.000	-	120.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	120.000.000		120.000.000	
7	Trường THPT Yên Phong số 2	1040192	1174	422-070-074		105.000.000	-	105.000.000	

TT	Đơn vị	Mã QHNS	Mã KBNN	Chương - Loại - Khoản	Mã nguồn	TỔNG CỘNG	NSNN CẤP DỰ TOÁN	LỆNH CHI TIỀN (Đã thực hiện)	Ghi chú
							Đầu năm (Mã 01)		
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	105.000.000		105.000.000	
8	Trường THPT Thuận Thành số 1	1019573	1173	422-070-074		68.000.000	-	68.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	68.000.000		68.000.000	
9	Trường THPT Thuận Thành số 2	1019101	1173	422-070-074		78.000.000	-	78.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	78.000.000		78.000.000	
10	Trường THPT Thuận Thành số 3	1041502	1173	422-070-074		64.000.000	-	64.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	64.000.000		64.000.000	
11	Trường THPT Hàm Long	1040193	1172	422-070-074		100.000.000	-	100.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	100.000.000		100.000.000	
12	Trường THPT Lý Nhân Tông	1027038	1172	422-070-074		185.000.000	-	185.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	185.000.000		185.000.000	
13	Trường THPT Lý Thường Kiệt	1076750	1172	422-070-074		115.000.000	-	115.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	115.000.000		115.000.000	
14	Trường THPT Lý Thái Tổ	1019102	1174	422-070-074		178.000.000	-	178.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	178.000.000		178.000.000	
15	Trường THPT Ngô Gia Tự	1041686	1174	422-070-074		168.000.000	-	168.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	168.000.000		168.000.000	
16	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	1040196	1174	422-070-074		183.000.000	-	183.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	183.000.000		183.000.000	
17	Trường THPT Gia Bình số 1	1041500	1173	422-070-074		129.000.000	-	129.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	129.000.000		129.000.000	
18	Trường THPT Lê Văn Thịnh	1041499	1173	422-070-074		158.000.000	-	158.000.000	
	Hỗ trợ các phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2025				12	158.000.000		158.000.000	
19	Trung tâm GDNN-GDTX Từ Sơn	1023364	1174	422-070-075		1.007.303.000	1.007.303.000		
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ				13	503.000.000	503.000.000		

TT	Đơn vị	Mã QHNS	Mã KBNN	Chương - Loại - Khoản	Mã nguồn	TỔNG CỘNG	NSNN CẤP DỰ TOÁN	LỆNH CHI TIỀN (Đã thực hiện)	Ghi chú
							Đầu năm (Mã 01)		
	Kinh phí chi thường xuyên giao không tự chủ				12	504.303.000	504.303.000		
20	Trung tâm GDNN-GDTX Tiên Du	1032536	1175	422-070-075		354.000.000	354.000.000		
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ				13	354.000.000	354.000.000		
21	Trung tâm GDNN-GDTX Gia Bình	1029077	1173	422-070-075		819.330.000	819.330.000		
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ				13	717.330.000	717.330.000		
	Kinh phí chi thường xuyên giao không tự chủ				12	102.000.000	102.000.000		
22	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật và Thủ công mỹ nghệ truyền thống Thuận Thành	1090942	1173	422-070-092		458.000.000	458.000.000		
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ				13	458.000.000	458.000.000		